

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-10-2018

V/v Ly hôn giữa bà I và ông H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Hiệp

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 210/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà L K I, sinh năm 1968 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03-10-2018)

ĐKKHKT: ấp K H, xã T K H, huyện G T, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: Tổ 16, ấp V Q, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Ông L M H, sinh năm 1958 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05-10-2018)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp V Q, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tờ tự khai ngày 14-6-2018 và Biên bản hòa giải ngày 27-9-2018, nguyên đơn bà L K I trình bày:

+Về hôn nhân: Bà và ông L M H chung sống với nhau vào năm 2002, không tổ chức đám cưới. Cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung vợ chồng sống tại nhà ông H, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 15 năm. Ông H thường hay chửi bà, bà không chịu được. Nay bà xin được ly hôn với ông L M H.

+Về con chung: Có 01 con chung tên L M T, sinh ngày 19-8-2004. Hiện đang sống chung với ông H. Nếu ly hôn bà đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi con chung.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 14-6-2018 và Biên bản hòa giải ngày 27-9-2018, bị đơn ông L M H trình bày:

+Về hôn nhân: Ông và bà L K Ì chung sống với nhau vào năm 2002, không tổ chức đám cưới. Cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung vợ chồng sống tại nhà ông, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 15 năm. Bà Ì thường hay bỏ nhà đi, nên ông thường hay chửi bà Ì; vợ chồng hay cự cãi. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của bà Ì, ông đồng ý ly hôn.

+Về con chung: Có 01 con chung tên L M T, sinh ngày 19-8-2004. Hiện đang sống chung với ông. Nếu ly hôn ông đồng ý tiếp tục nuôi con chung.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà Ì cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01-10-2018, cháu L M T, sinh ngày 19-8-2004 trình bày: Cháu tên L M T, cháu đang sống với cha tên L M H, tại Tổ 16, ấp V Q, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang. Cháu hiện đang học lớp 9A2 trường Trung học cơ sở V B, huyện C T, tỉnh An Giang. Nếu cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn bà L K Ì, bị đơn ông L M H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định Đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Ì, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn bà Ì, bị đơn ông H.

[2] *Về hôn nhân:* Bà L K Ì và ông L M H chung sống với nhau vào năm 2002, không tổ chức đám cưới. Cho đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, hôn nhân của bà Ì và ông H vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì hôn nhân của bà Ì và ông H không được pháp luật thừa nhận. Do đó, nghĩ nên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L K Ì và ông L M H là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Bà L K Ì và ông L M H có 01 con chung. Khi ly hôn bà Ì và ông H thống nhất là ông H được tiếp tục nuôi con.

Xét thấy: Cháu T đã hơn 14 tuổi, từ nhỏ đã quen sống với gia đình ông H, cháu được đi học, cháu có nguyện vọng sống với ông H. Đối chiếu với quy định

của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông L M H và các thành viên trong gia đình ông H không được cản trở bà L K Ì trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà L K Ì lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Ì theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông L M H không yêu cầu bà L K Ì cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L K Ì và ông L M H thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 và Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Nguyên đơn bà L K Ì phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003546 ngày 28-6-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà L K Ì, bị đơn ông L M H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L K Ì và ông L M H.

[2] *Về con chung*: Ông L M H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên L M T, sinh ngày 19-8-2004.

Ông L M H và các thành viên trong gia đình ông H không được cản trở bà L K Ì trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà L K Ì lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Ì theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí*: Bà L K Ì phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003546 ngày 28-6-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn bà L K Ì, bị đơn ông L M H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang. UBND xã T K H, huyện G T, tỉnh Kiên Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà